TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2017
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thế Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thanh Diễn

Ông Trần Ngọc Diệu

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Hồng Đang, Thư ký Tòa án của Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 29 tháng 11 năm 2017, tại hội trường xét xử, Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 453/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Võ T, sinh năm: 1988;

Nơi ĐKHKTT: 401F, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre; có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn K, sinh năm: 1967;

Hộ khẩu thường trú: 401F, khu phố H, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: Trại giam C, có trụ sở tại xã C, huyện G, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2017, bản tự khai, nguyên đơn là bà Võ T trình bày:

Qua thời gian tìm hiểu và được sự cho phép của gia đình hai bên, bà và bị đơn là ông Nguyễn K tự nguyện đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B vào ngày 30/9/2010. Quá trình chung sống có được một con chung. Cuộc sống của bà và ông K thời gian đầu hạnh phúc, không có mâu thuẫn, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hợp ý và không còn quan tâm nhau. Hiện tại, ông K đang chấp hành hình phạt tù 24 năm về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" tại Trại giam C. Từ đó đến nay,

tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên bà quyết định xin ly hôn với ông K.

Quá trình chung sống, bà và ông K có một con chung là cháu Nguyễn V, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2010, cháu V hiện nay đang sống với mẹ. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu V, không yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con. Bà và ông K không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong văn bản ghi nhận ý kiến ngày 25/10/2017, bị đơn là ông Nguyễn K trình bày:

Ông và bà Võ T kết hôn với nhau vào năm 2010 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố B. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 do ông nên vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có ông bà có một con chung là cháu Nguyễn V, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2010.

Nay theo yêu cầu ly hôn của bà T thì ông đồng ý. Ông cũng đồng ý để bà T tiếp tục nuôi con chung, ông không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông và bà T không có tài sản chung, nợ chung. Ông K cũng đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn và yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con. Theo bà T thì bà và ông K không có tài sản chung, nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng:*

Ông Nguyễn K là bị đơn trong vụ án có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông K.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Nguyễn K và bà Võ T chung sống với nhau với nhau và đăng ký kết hôn, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 140, quyển số 01/2010 ngày 02 tháng 11 năm 2010 tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre, nên quan hệ hôn nhân của ông K và bà T được coi là hợp pháp. Ông K và bà T có thời gian chung sống với nhau hạnh phúc và có 1 con chung.

Tuy quan hệ hôn nhân của ông K và bà T là trên cơ sở tự nguyện nhưng sau khi sống chung ông bà xảy mâu thuẫn, ông bà không thể tự giải quyết mâu thuẫn được và sống ly thân, không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau người nào chỉ biết phận người đó, bỏ mặc nhau muốn sống sao thì sống.

Do không còn tình cảm vợ chồng nên bà T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông K cũng có ý kiến đồng ý ly hôn và yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt ông. Ông K và bà T không cùng cải thiện tình trạng hiện tại của ông bà để kéo dài đời sống chung.

Xét tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, giải quyết cho bà T được ly

hôn với ông K là có căn cứ theo quy định tại Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. *Về con chung:* Ông Nguyễn K và bà Võ T có một con chung là cháu Nguyễn V, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2010, cháu V hiện nay đang do bà T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Do ông K và bà T đã có ý kiến thống nhất việc người trực tiếp nuôi con sau ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận, giao cháu V cho bà T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu V.

Hội đồng xét xử cũng đã giải thích về quyền và nghĩa vụ của cha mẹ là người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng bà T không có yêu cầu ông K phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. *Về tài sản chung:* Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của ông K và bà T là ông bà không có tài sản chung, nợ chung.

[5]. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng. Bà T đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; các Điều 131, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Võ T được ly hôn với ông Nguyễn K.

2. *Về con chung:* Bà Võ T được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn V, sinh ngày 11 tháng 5 năm 2010.

Ghi nhận việc bà Võ T không yêu cầu ông K phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn K được quyền thăm nom cháu Nguyễn V, không ai được cản trở ông K thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Ghi nhận việc ông K và bà T cùng khai ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung.

4. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Bà Võ T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0012899 ngày 17 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G; bà T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thế Hồng

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- UBND phường P;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.